



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN LÃNG

KINH PHÍ HỖ TRỢ HỌC PHÍ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 54/2019/NQ-HĐND CỦA HĐND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(THÁNG 9+10+11/2024)

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG MẦM NON TIÊN CƯỜNG

(Phụ biểu kèm theo Quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 04/12/2024 của UBND huyện Tiên Lãng)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tên lớp	Tỷ lệ mức thu (mức hỗ trợ) làm tròn trên tháng	Mức đóng học phí/tháng (Đồng)	Tổng hợp nhu cầu đề nghị hỗ trợ học phí									Tổng thành tiền	Kinh phí đã được miễn, giảm học phí ở chính sách khác (ND 81)		Tổng nhu cầu kinh phí theo Nghị quyết số 54 để nghị cấp bổ sung
				Tháng 9/2023			Tháng 10/2023			Tháng 11/2023				Miễn học phí	Giảm học phí	
				Số trẻ		Thành tiền	Số trẻ		Thành tiền	Số trẻ		Thành tiền				
				Nhà trẻ	Mẫu giáo		Nhà trẻ	Mẫu giáo		Nhà trẻ	Mẫu giáo					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Nhà trẻ CT A			17	-	1.104.000	20	-	1.656.000	21	-	1.771.000	4.531.000	-	-	4.531.000
	Từ 1 -5 buổi	0,25	92.000	-	-	-	1	-	23.000	-	-	-	23.000			23.000
	Từ 6-10 buổi	0,50	92.000	3	-	138.000	1	-	46.000	2	-	92.000	276.000			276.000
	Từ 11-15 buổi	0,75	92.000	14	-	966.000	3	-	207.000	3	-	207.000	1.380.000			1.380.000
	Trên 15 buổi	1,00	92.000	-	-	-	15	-	1.380.000	16	-	1.472.000	2.852.000			2.852.000
2	Nhà trẻ CT B			17	-	1.081.000	18	-	1.564.000	18	-	1.633.000	4.278.000	-	-	4.278.000
	Từ 1 -5 buổi	0,25	92.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-
	Từ 6-10 buổi	0,50	92.000	4	-	184.000	1	-	46.000	-	-	-	230.000			230.000
	Từ 11-15 buổi	0,75	92.000	13	-	897.000	2	-	138.000	1	-	69.000	1.104.000			1.104.000
	Trên 15 buổi	1,00	92.000	-	-	-	15	-	1.380.000	17	-	1.564.000	2.944.000			2.944.000
3	Nhà trẻ CT C			19	-	1.104.000	21	-	1.702.000	21	-	1.817.000	4.623.000	-	-	4.623.000
	Từ 1 -5 buổi	0,25	92.000	2	-	46.000	1	-	23.000	1	-	23.000	92.000			92.000
	Từ 6-10 buổi	0,50	92.000	5	-	230.000	2	-	92.000	-	-	-	322.000			322.000
	Từ 11-15 buổi	0,75	92.000	12	-	828.000	3	-	207.000	2	-	138.000	1.173.000			1.173.000
	Trên 15 buổi	1,00	92.000	-	-	-	15	-	1.380.000	18	-	1.656.000	3.036.000			3.036.000
4	Lớp 3 tuổi A			-	30	1.742.500	-	29	2.380.000	-	29	2.358.750	6.481.250	-	-	6.481.250
	Từ 1 -5 buổi	0,25	85.000	-	1	21.250	-	-	-	-	-	-	21.250			21.250
	Từ 6-10 buổi	0,50	85.000	-	6	255.000	-	1	42.500	-	-	-	297.500			297.500
	Từ 11-15 buổi	0,75	85.000	-	23	1.466.250	-	2	127.500	-	5	318.750	1.912.500			1.912.500



	Trên 15 buổi	1,00	85.000		-	-	26	2.210.000		24	2.040.000	4.250.000			4.250.000
4	Lớp 3 tuổi B			-	25	1.466.250	-	24	1.933.750	-	25	1.955.000	5.355.000	115.875	5.238.125
	Từ 1 -5 buổi	0,25	85.000		2	42.500		-	-	-	-	42.500			42.500
	Từ 6-10 buổi	0,50	85.000		2	85.000		1	42.500	-	3	127.500	255.000		255.000
	Từ 11-15 buổi	0,75	85.000		21	1.338.750		3	191.250		2	127.500	1.657.500	31.875	1.625.625
	Trên 15 buổi	1,00	85.000		-	-		20	1.700.000		20	1.700.000	3.400.000	85.000	3.315.000
5	Lớp 3 tuổi C			-	24	1.423.750	-	24	1.997.500	-	24	1.891.250	5.312.500	-	5.312.500
	Từ 1 -5 buổi	0,25	85.000		1	21.250		-	-		-	21.250			21.250
	Từ 6-10 buổi	0,50	85.000		3	127.500		-	-		1	42.500	170.000		170.000
	Từ 11-15 buổi	0,75	85.000		20	1.275.000		2	127.500		5	318.750	1.721.250		1.721.250
	Trên 15 buổi	1,00	85.000		-	-		22	1.870.000		18	1.530.000	3.400.000		3.400.000
6	Lớp 4 tuổi A			-	35	2.146.250	-	34	2.868.750	-	34	2.677.500	7.692.500	-	7.692.500
	Từ 1 -5 buổi	0,25	85.000		-	-		-	-	-	-	-			-
	Từ 6-10 buổi	0,50	85.000		4	170.000		-	-		2	85.000	255.000		255.000
	Từ 11-15 buổi	0,75	85.000		31	1.976.250		1	63.750		6	382.500	2.422.500		2.422.500
	Trên 15 buổi	1,00	85.000		-	-		33	2.805.000		26	2.210.000	5.015.000		5.015.000
7	Lớp 4 tuổi B			-	30	1.806.250	-	31	2.550.000	-	30	2.443.750	6.800.000	-	6.800.000
	Từ 1 -5 buổi	0,25	85.000		-	-		1	21.250		-	-	21.250		21.250
	Từ 6-10 buổi	0,50	85.000		5	212.500		-	-		-	-	212.500		212.500
	Từ 11-15 buổi	0,75	85.000		25	1.593.750		1	63.750		5	318.750	1.976.250		1.976.250
	Trên 15 buổi	1,00	85.000		-	-		29	2.465.000		25	2.125.000	4.590.000		4.590.000
8	Lớp 4 tuổi C			-	34	2.146.250	-	34	2.868.750	-	34	2.656.250	7.671.250	-	7.671.250
	Từ 1 -5 buổi	0,25	85.000		-	-		-	-		1	21.250	21.250		21.250
	Từ 6-10 buổi	0,50	85.000		1	42.500		-	-		2	85.000	127.500		127.500
	Từ 11-15 buổi	0,75	85.000		33	2.103.750		1	63.750		4	255.000	2.422.500		2.422.500
	Trên 15 buổi	1,00	85.000		-	-		33	2.805.000		27	2.295.000	5.100.000		5.100.000
10	Lớp 5 tuổi A			-	34	2.082.500	-	35	2.911.250	-	34	2.762.500	7.756.250	7.756.250	-
	Từ 1 -5 buổi	0,25	85.000		-	-		-	-		-	-	-	-	-
	Từ 6-10 buổi	0,50	85.000		4	170.000		1	42.500		-	-	212.500	212.500	-
	Từ 11-15 buổi	0,75	85.000		30	1.912.500		1	63.750		6	382.500	2.358.750	2.358.750	-
	Trên 15 buổi	1,00	85.000		-	-		33	2.805.000		28	2.380.000	5.185.000	5.185.000	-
11	Lớp 5 tuổi B			-	35	2.188.750	-	35	2.975.000	-	35	2.868.750	8.032.500	8.032.500	-
	Từ 1 -5 buổi	0,25	85.000		-	-		-	-		-	-	-	-	-
	Từ 6-10 buổi	0,50	85.000		2	85.000		-	-		-	-	85.000	85.000	-
	Từ 11-15 buổi	0,75	85.000		33	2.103.750		-	-		5	318.750	2.422.500	2.422.500	-
	Trên 15 buổi	1,00	85.000		-	-		35	2.975.000		30	2.550.000	5.525.000	5.525.000	-

12	Lớp 5 tuổi C			-	34	2.125.000	-	34	2.762.500	-	34	2.720.000	7.607.500	-	7.607.500	-
	Từ 1 -5 buổi	0,25	85.000			-		1	21.250		-	-	21.250		21.250	-
	Từ 6-10 buổi	0,50	85.000		2	85.000		1	42.500		2	85.000	212.500		212.500	-
	Từ 11-15 buổi	0,75	85.000		32	2.040.000		1	63.750		4	255.000	2.358.750		2.358.750	-
	Trên 15 buổi	1,00	85.000		-	-		31	2.635.000		28	2.380.000	5.015.000		5.015.000	-
Cộng nhà trẻ				53	-	3.289.000	59	-	4.922.000	60	-	5.221.000	13.432.000	-	-	13.432.000
	Từ 1-5 buổi	0,25	92.000	2	-	46.000	2	-	46.000	1	-	23.000	115.000	-	-	115.000
	Từ 6-10 buổi	0,50	92.000	12	-	552.000	4	-	184.000	2	-	92.000	828.000	-	-	828.000
	Từ 11-15 buổi	0,75	92.000	39	-	2.691.000	8	-	552.000	6	-	414.000	3.657.000	-	-	3.657.000
	Trên 15 buổi	1,00	92.000	-	-	-	45	-	4.140.000	51	-	4.692.000	8.832.000	-	-	8.832.000
Cộng mẫu giáo				-	281	17.127.500	-	280	23.247.500	-	279	22.333.750	62.708.750	116.875	23.396.250	39.195.625
	Từ 1-5 buổi	0,25	85.000	-	4	85.000	-	2	42.500	-	1	21.250	148.750	-	21.250	127.500
	Từ 6-10 buổi	0,50	85.000	-	29	1.232.500	-	4	170.000	-	10	425.000	1.827.500	-	510.000	1.317.500
	Từ 11-15 buổi	0,75	85.000	-	248	15.810.000	-	12	765.000	-	42	2.677.500	19.252.500	31.875	7.140.000	12.080.625
	Trên 15 buổi	1,00	85.000	-	-	-	-	262	22.270.000	-	226	19.210.000	41.480.000	85.000	15.725.000	25.670.000
TỔNG CỘNG				53	281	20.416.500	59	280	28.169.500	60	279	27.554.750	76.140.750	116.875	23.396.250	52.627.625

Handwritten signature





**DANH SÁCH CHI TIẾT HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ HỌC PHÍ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 54/NQ-HĐND
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG (THÁNG 9+10+11/2024)**

ĐƠN VỊ: MÀM NON TIỀN CƯỜNG

(Phụ biểu kèm theo Quyết định số 4007 /QĐ-UBND ngày 01 / 12 /2024 của UBND huyện Tiên Lãng)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Họ và tên học sinh	Mức đóng học phí/tháng (Đồng)	Tổng hợp nhu cầu đề nghị hỗ trợ học phí									Tổng thành tiền	Kính phí đã được miễn, giảm học phí ở chính sách khác (NĐ 81)		Tổng nhu cầu kính phí theo NQ số 54 đề nghị cấp bổ sung
			Tháng 9/2024			Tháng 10/2024			Tháng 11/2024				Miễn học phí	Giảm học phí	
			Số ngày thực học trong tháng	Tỷ lệ mức thu (mức hỗ trợ) làm tròn trên tháng	Thành tiền	Số ngày thực học trong tháng	Tỷ lệ mức thu (mức hỗ trợ) làm tròn trên tháng	Thành tiền	Số ngày thực học trong tháng	Tỷ lệ mức thu (mức hỗ trợ) làm tròn trên tháng	Thành tiền				
1	2	3	4	5	6 = 3*5	7	8	9=3*8	10	11	12 = 3*11	13 = 6 + 9+ 12	14	15	16 = 13 - 14- 15
1	Nhà trẻ Cơm thương A				1.104.000			1.656.000			1.771.000	4.531.000	-	-	4.531.000
1	Nguyễn Bảo An	92.000	11	0,75	69.000	16	1,00	92.000	19	1,00	92.000	253.000			253.000
2	Lưu Minh Đức	92.000	12	0,75	69.000	23	1,00	92.000	20	1,00	92.000	253.000			253.000
3	Hoàng Minh Hải	92.000	14	0,75	69.000	18	1,00	92.000	18	1,00	92.000	253.000			253.000
4	Bùi Quang Hiến	92.000	12	0,75	69.000	23	1,00	92.000	20	1,00	92.000	253.000			253.000
5	Đỗ Phúc Lâm	92.000	14	0,75	69.000	21	1,00	92.000	20	1,00	92.000	253.000			253.000
6	Nguyễn Minh Quân	92.000	13	0,75	69.000	19	1,00	92.000	17	1,00	92.000	253.000			253.000
7	Lương Minh Thư	92.000	12	0,75	69.000	22	1,00	92.000	20	1,00	92.000	253.000			253.000
8	Vũ Thùy Trang	92.000	13	0,75	69.000	23	1,00	92.000	20	1,00	92.000	253.000			253.000
9	Hoàng Minh Trí	92.000	13	0,75	69.000	14	0,75	69.000	8	0,50	46.000	184.000			184.000
10	Hoàng Vũ Khánh Châu	92.000	14	0,75	69.000	19	1,00	92.000	20	1,00	92.000	253.000			253.000
11	Cầm Bá Đạt	92.000	14	0,75	69.000	21	1,00	92.000	17	1,00	92.000	253.000			253.000
12	Phạm Minh Khôi	92.000	13	0,75	69.000	21	1,00	92.000	20	1,00	92.000	253.000			253.000
13	Lê Phúc Hưng	92.000	13	0,75	69.000	13	0,75	69.000	15	0,75	69.000	207.000			207.000
14	Lê Trần	92.000	9	0,50	46.000	21	1,00	92.000	19	1,00	92.000	230.000			230.000
15	Hoàng Anh Thư	92.000	10	0,50	46.000	16	1,00	92.000	20	1,00	92.000	230.000			230.000
16	Cao Tuệ Nhi	92.000	11	0,75	69.000	16	1,00	92.000	19	1,00	92.000	253.000			253.000



[Handwritten signature]

17	Vũ Tiến Thành	92.000	8	0,50	46.000	6	0,50	46.000	7	0,50	46.000	138.000			138.000
18	Mai Hải Đăng	92.000		-	-	20	1,00	92.000	19	1,00	92.000	184.000			184.000
19	Phạm Gia Bảo	92.000		-	-	14	0,75	69.000	15	0,75	69.000	138.000			138.000
20	Uông Nguyễn Khánh An	92.000		-	-	3	0,25	23.000	20	1,00	92.000	115.000			115.000
21	Đoàn Gia Hùng	92.000							12	0,75	69.000	69.000			69.000
2	Nhà trẻ Cơm thường B				1.081.000			1.564.000			1.633.000	4.278.000			4.278.000
1	Phạm Nguyễn Minh Chính	92.000	14	0,75	69.000	23	1,00	92.000	20	1,00	92.000	253.000			253.000
2	Jang Ngọc Diệp	92.000	9	0,50	46.000	10	0,50	46.000	15	0,75	69.000	161.000			161.000
3	Trần Chí Dũng	92.000	13	0,75	69.000	23	1,00	92.000	20	1,00	92.000	253.000			253.000
4	Hoàng Ánh Dương	92.000	13	0,75	69.000	21	1,00	92.000	18	1,00	92.000	253.000			253.000
5	Hoàng Gia Hân	92.000	14	0,75	69.000	23	1,00	92.000	20	1,00	92.000	253.000			253.000
6	Hoàng ngọc Hân	92.000	14	0,75	69.000	20	1,00	92.000	17	1,00	92.000	253.000			253.000
7	Trần Quang Huy	92.000	6	0,50	46.000	18	1,00	92.000	16	1,00	92.000	230.000			230.000
8	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	92.000	11	0,75	69.000	16	1,00	92.000	20	1,00	92.000	253.000			253.000
9	Đào Đình Phát	92.000	13	0,75	69.000	21	1,00	92.000	17	1,00	92.000	253.000			253.000
10	Nguyễn Anh Quân	92.000	14	0,75	69.000	21	1,00	92.000	19	1,00	92.000	253.000			253.000
11	Phạm Thanh Thảo	92.000	8	0,50	46.000		-	-		-	-	46.000			46.000
12	Nguyễn Đức Thịnh	92.000	10	0,50	46.000	22	1,00	92.000	18	1,00	92.000	230.000			230.000
13	Nguyễn Anh Thư	92.000	14	0,75	69.000	20	1,00	92.000	19	1,00	92.000	253.000			253.000
14	Nguyễn Thành Vinh	92.000	12	0,75	69.000	21	1,00	92.000	18	1,00	92.000	253.000			253.000
16	Nguyễn Gia Hưng	92.000	12	0,75	69.000	23	1,00	92.000	19	1,00	92.000	253.000			253.000
17	Nguyễn Khánh Ngân	92.000	12	0,75	69.000	18	1,00	92.000	20	1,00	92.000	253.000			253.000
18	Nguyễn Anh Vũ	92.000	12	0,75	69.000	21	1,00	92.000	19	1,00	92.000	253.000			253.000
19	Quách Bình An	92.000		-	-	13	0,75	69.000	20	1,00	92.000	161.000			161.000
20	Hoàng Bảo Lâm	92.000		-	-	12	0,75	69.000	19	1,00	92.000	161.000			161.000
3	Nhà trẻ Cơm thường C				1.104.000			1.702.000			1.817.000	4.623.000			4.623.000
1	Lê Công Tuấn Anh	92.000	14	0,75	69.000	21	1,00	92.000	20	1,00	92.000	253.000			253.000
2	Lương Vũ Kiều Anh	92.000	10	0,50	46.000	11	0,75	69.000	18	1,00	92.000	207.000			207.000
3	Phạm Thành Chung	92.000	14	0,75	69.000	23	1,00	92.000	20	1,00	92.000	253.000			253.000
4	Bùi Thanh Dương	92.000	7	0,50	46.000	16	1,00	92.000		-	-	138.000			138.000
5	Trần Lê Minh Đức	92.000	14	0,75	69.000	22	1,00	92.000	17	1,00	92.000	253.000			253.000

10	Vũ Nhật Gia Minh	92.000	11	0,75	69.000	17	1,00	92.000	16	1,00	92.000	253.000		253.000
11	Mạc Cẩm Tú	92.000	12	0,75	69.000	4	0,25	23.000	18	1,00	92.000	184.000		184.000
12	Lương Thanh Tùng	92.000	14	0,75	69.000	19	1,00	92.000	14	0,75	69.000	230.000		230.000
13	Nguyễn chí Thanh	92.000	10	0,50	48.000	14	0,75	69.000	16	1,00	92.000	207.000		207.000
14	Lê Huy Hoàng	92.000	13	0,75	69.000	23	1,00	92.000	20	1,00	92.000	253.000		253.000
15	Lưu Phạm Bảo Châu	92.000	7	0,50	48.000	17	1,00	92.000	20	1,00	92.000	230.000		230.000
16	Phan Thị Thanh Mai	92.000	12	0,75	69.000	19	1,00	92.000	20	1,00	92.000	253.000		253.000
17	Lê Nhật Nam	92.000	5	0,25	23.000	23	1,00	92.000	20	1,00	92.000	207.000		207.000
18	Vũ Bảo Thiên Ân	92.000	12	0,75	69.000	20	1,00	92.000	15	0,75	69.000	230.000		230.000
19	Hoàng Nguyễn Lâm Vy	92.000	1	0,25	23.000	9	0,50	48.000	5	0,25	23.000	92.000		92.000
20	Nguyễn Minh Chiến	92.000		-	-	23	1,00	92.000	20	1,00	92.000	184.000		184.000
21	Bùi Nhân Phú Hưng	92.000		-	-	20	1,00	92.000	18	1,00	92.000	184.000		184.000
22	Vũ Nguyễn Trung Nghĩa	92.000							20	1,00	92.000	92.000		92.000
4	Lớp 3 tuổi A				1.742.500			2.380.000			2.358.750	6.481.250		6.481.250
1	Phạm Châu Ngọc Ánh	85.000	14	0,75	63.750	22	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750		233.750
2	Lưu Đức Bình	85.000	13	0,75	63.750	22	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750		233.750
3	Trần Bảo Châu	85.000	9	0,50	42.500	22	1,00	85.000	18	1,00	85.000	212.500		212.500
4	Đinh Đức Duy	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750		233.750
5	Lê Thị Minh Duyên	85.000	1	0,25	21.250		-	-		-	-	21.250		21.250
6	Lê Ánh Dương	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750		233.750
7	Phạm Linh Đan	85.000	10	0,50	42.500	22	1,00	85.000	20	1,00	85.000	212.500		212.500
8	Phạm Tiến Đạt	85.000	13	0,75	63.750	21	1,00	85.000	17	1,00	85.000	233.750		233.750
9	Nguyễn Minh Hiếu	85.000	10	0,50	42.500	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	212.500		212.500
10	Hoàng Tuấn Kiệt	85.000	12	0,75	63.750	19	1,00	85.000	18	1,00	85.000	233.750		233.750
11	Phạm Đăng Khôi	85.000	14	0,75	63.750	21	1,00	85.000	15	0,75	63.750	212.500		212.500
12	Trần Hoàng Khánh Minh	85.000	13	0,75	63.750	21	1,00	85.000	17	1,00	85.000	233.750		233.750
13	Trần Tuệ Ngân	85.000	14	0,75	63.750	16	1,00	85.000	13	0,75	63.750	212.500		212.500
14	Phạm Minh Nhật	85.000	14	0,75	63.750	21	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750		233.750
15	Cao An Nhiên	85.000	14	0,75	63.750	18	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750		233.750
16	Phạm Vũ Ngọc Phúc	85.000	11	0,75	63.750	16	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750		233.750
17	cao Hải Yến	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750		233.750
18	Nguyễn Phương Vy	85.000	14	0,75	63.750	20	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750		233.750
19	Nguyễn Đức Gia Bảo	85.000	6	0,50	42.500	15	0,75	63.750	14	0,75	63.750	170.000		170.000

20	Lê Thái Hưng	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750			233.750
21	Lê Thị Ngọc Châu	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
22	Trần Anh Dũng	85.000	10	0,50	42.500	20	1,00	85.000	17	1,00	85.000	212.500			212.500
23	Bùi Quốc Cường	85.000	12	0,75	63.750	13	0,75	63.750	18	1,00	85.000	212.500			212.500
24	Tô Trung Đức	85.000	11	0,75	63.750	10	0,50	42.500	15	0,75	63.750	170.000			170.000
25	Phạm Minh Khang	85.000	13	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
26	Nguyễn Huy Khoa	85.000	13	0,75	63.750	19	1,00	85.000	17	1,00	85.000	233.750			233.750
27	Lương Ngọc Linh	85.000	13	0,75	63.750	20	1,00	85.000	18	1,00	85.000	233.750			233.750
28	Phạm Lan Phương	85.000	13	0,75	63.750	19	1,00	85.000	15	0,75	63.750	212.500			212.500
29	Đỗ Nguyễn Khánh Trang	85.000	8	0,50	42.500	18	1,00	85.000	16	1,00	85.000	212.500			212.500
30	Lê Ngọc Diệp	85.000	13	0,75	63.750	23	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750			233.750
5	Lớp 3 tuổi B				1.466.250			1.933.750			1.955.000	5.355.000		116.875	5.238.125
1	Bùi đức Thịnh	85.000	10	0,50	42.500	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	212.500			212.500
2	Nguyễn Gia Bảo	85.000	11	0,75	63.750	22	1,00	85.000	18	1,00	85.000	233.750			233.750
3	Cao Thế Anh	85.000	14	0,75	63.750	20	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750			233.750
4	Đặng Gia Khánh	85.000	13	0,75	63.750	18	1,00	85.000	18	1,00	85.000	233.750			233.750
5	Nguyễn Đăng Khôi	85.000	14	0,75	63.750	21	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
6	Nguyễn Trí Khang	85.000	11	0,75	63.750	23	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750			233.750
7	Đỗ Chu Yến Nhi	85.000	14	0,75	63.750	22	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750			233.750
8	Đỗ Mạnh Dũng	85.000	12	0,75	63.750	22	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
9	Nguyễn Đức Thuận	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
10	Nguyễn Trung Nam	85.000	14	0,75	63.750	18	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
11	Hoàng Gia Nhật Minh	85.000	12	0,75	63.750	23	1,00	85.000	18	1,00	85.000	233.750			233.750
12	Nguyễn Bảo Châu	85.000	13	0,75	63.750	23	1,00	85.000	18	1,00	85.000	233.750		116.875	116.875
13	Nguyễn Trường An	85.000	13	0,75	63.750	15	0,75	63.750	11	0,75	63.750	191.250			191.250
14	Nguyễn Thành Đạt	85.000	13	0,75	63.750	22	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750			233.750
15	Nguyễn Hoàng Thảo Nguyên	85.000	13	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
16	Đỗ Ngọc Anh	85.000	11	0,75	63.750	22	1,00	85.000	16	1,00	85.000	233.750			233.750
17	Trần Thị Diệu Anh	85.000	11	0,75	63.750	15	0,75	63.750	18	1,00	85.000	212.500			212.500
18	Lê Bảo Châu	85.000	12	0,75	63.750	22	1,00	85.000	17	1,00	85.000	233.750			233.750
19	Nguyễn Ngọc Linh Đan	85.000	11	0,75	63.750	7	0,50	42.500	10	0,50	42.500	148.750			148.750
20	Đỗ Gia Hân	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
21	Phạm Bảo Ngọc	85.000	11	0,75	63.750	22	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750			233.750

22	Vũ Hoàng Bảo Trâm	85.000	3	0,25	21.250		-	-	-	-	21.250		21.250
23	Vũ Ngọc Trinh	85.000	11	0,75	63.750	20	1,00	85.000	14	0,75	63.750	212.500	212.500
24	Nguyễn Minh Trí	85.000	2	0,25	21.250		-	-	9	0,50	42.500	63.750	63.750
25	Phan Như Ngọc	85.000	9	0,50	42.500	11	0,75	63.750	19	1,00	85.000	191.250	191.250
26	Nguyễn Ngọc Hà Anh	85.000		-	-	16	1,00	85.000	7	0,50	42.500	127.500	127.500
6	Lớp 3 tuổi C				1.423.750			1.997.500			1.891.250	5.312.500	5.312.500
1	Hoàng Ngọc Hân	85.000	14	0,75	63.750	21	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750
2	Nguyễn Quỳnh Anh	85.000	4	0,25	21.250	19	1,00	85.000	19	1,00	85.000	191.250	191.250
3	Phạm Nguyễn Thanh Châu	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750
4	Trần Minh Châu	85.000	7	0,50	42.500	20	1,00	85.000	12	0,75	63.750	191.250	191.250
5	Trần Ánh Dương	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750
6	Nguyễn Ngọc Gia Hân	85.000	13	0,75	63.750	23	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750	233.750
7	Trần Đăng Khoa	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750
8	Nguyễn Bảo Ngọc	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750
9	Nguyễn Thanh Nhân	85.000	13	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750
10	Hoàng Thị Hà Phương	85.000	12	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750
11	Vũ Minh Tâm	85.000	14	0,75	63.750	21	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750
12	Đồng Nhã Uyên	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750
13	Nguyễn Khánh Ngân	85.000	13	0,75	63.750	18	1,00	85.000	15	0,75	63.750	212.500	212.500
14	Vũ Bảo Ngọc	85.000	13	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750
15	Hoàng Bảo Trâm	85.000	14	0,75	63.750	21	1,00	85.000	18	1,00	85.000	233.750	233.750
16	Vũ Gia Hưng	85.000	13	0,75	63.750	22	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750
17	Nguyễn Đăng Khoa	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750
18	Hoàng Nguyễn Quỳnh Thư	85.000	11	0,75	63.750	19	1,00	85.000	9	0,50	42.500	191.250	191.250
19	Nguyễn Ánh Dương	85.000	13	0,75	63.750	16	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750
20	Hoàng Minh Khôi	85.000	13	0,75	63.750	21	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750	233.750
21	Nguyễn Minh Phúc	85.000	14	0,75	63.750	22	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750
22	Trần Minh Đức	85.000	8	0,50	42.500	13	0,75	63.750	12	0,75	63.750	170.000	170.000
23	Trần Thanh Trúc	85.000	11	0,75	63.750	14	0,75	63.750	11	0,75	63.750	191.250	191.250
24	Lê Quỳnh Anh	85.000	10	0,50	42.500	20	1,00	85.000	12	0,75	63.750	191.250	191.250
25		85.000		-	-		-	-		-	-		-
7	Lớp 4 tuổi A				2.146.250			2.868.750			2.877.500	7.692.500	7.692.500
1	Mạc Bình An	85.000	14	0,75	63.750	21	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750

2	Mạc Tú Anh	85.000	14	0,75	63.750	21	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
3	Trần Minh Hà Anh	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
4	Trần đức Duy	85.000	13	0,75	63.750	22	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
5	Lê Việt Hùng	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
6	Ngô Duy Hùng	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750			233.750
7	Lưu Tuấn Kiệt	85.000	11	0,75	63.750	23	1,00	85.000	18	1,00	85.000	233.750			233.750
8	Vũ Minh Khang	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750			233.750
9	Lương Đăng Khoa	85.000	14	0,75	63.750	20	1,00	85.000	14	0,75	63.750	212.500			212.500
10	Nguyễn Gia Linh	85.000	14	0,75	63.750	22	1,00	85.000	16	1,00	85.000	233.750			233.750
11	Trần Hà My	85.000	14	0,75	63.750	21	1,00	85.000	17	1,00	85.000	233.750			233.750
12	Nguyễn Bảo Nam	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750			233.750
13	Hoàng Trung Nghĩa	85.000	14	0,75	63.750	22	1,00	85.000	6	0,50	42.500	191.250			191.250
14	Bùi Tiến Phát	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
15	Lê Duy Phong	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	17	1,00	85.000	233.750			233.750
16	Nguyễn hoàng Phúc	85.000	14	0,75	63.750	21	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
17	Phạm Anh Thư	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750			233.750
18	Phạm Phương Vy	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750			233.750
19	Lưu Thị Trà My	85.000	14	0,75	63.750	20	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
20	Nguyễn Hoà An	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
21	Phạm Thị Ngọc Châu	85.000	13	0,75	63.750	21	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750			233.750
22	Phạm Thị Ngọc Diệp	85.000	13	0,75	63.750	21	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
23	Phạm Thị Kim Ngân	85.000	13	0,75	63.750	23	1,00	85.000	14	0,75	63.750	212.500			212.500
24	Nguyễn quốc Bảo	85.000	14	0,75	63.750	18	1,00	85.000	14	0,75	63.750	212.500			212.500
25	Phạm Quang Bình	85.000	14	0,75	63.750	21	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
26	Nguyễn Mai Hoa	85.000	11	0,75	63.750	22	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
27	Hoàng Bảo Khánh	85.000	13	0,75	63.750	20	1,00	85.000	14	0,75	63.750	212.500			212.500
28	Nguyễn Đặng Khôi Nguyên	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
29	Lương Hồng Phúc	85.000	11	0,75	63.750	22	1,00	85.000	15	0,75	63.750	212.500			212.500
30	Nguyễn Thu Thảo	85.000	11	0,75	63.750	21	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
31	Lê Phương Uyên	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
32	Nguyễn Ngọc Bình An	85.000	7	0,50	42.500	21	1,00	85.000	13	0,75	63.750	191.250			191.250
33	Trần Bảo Trang	85.000	9	0,50	42.500	20	1,00	85.000	18	1,00	85.000	212.500			212.500
34	Trần Bảo An	85.000	10	0,50	42.500	12	0,75	63.750	10	0,50	42.500	148.750			148.750

35	Vũ Minh Ngọc	85.000	7	0,50	42.500						42.500			42.500
8	Lớp 4 tuổi B				1.806.250			2.550.000			2.443.750	6.800.000		6.800.000
1	Lê Nguyễn Hoài An	85.000	13	0,75	63.750	20	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750		233.750
2	Phan An An	85.000	14	0,75	63.750	19	1,00	85.000	15	0,75	63.750	212.500		212.500
3	Nguyễn Quỳnh Anh	85.000	14	0,75	63.750	22	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750		233.750
4	Phạm Thùy Anh	85.000	8	0,50	42.500	20	1,00	85.000	15	0,75	63.750	191.250		191.250
5	Nguyễn Việt Bách	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750		233.750
6	Vũ Phương Chi	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750		233.750
7	Hoàng Trung Hiếu	85.000	10	0,50	42.500	19	1,00	85.000	13	0,75	63.750	191.250		191.250
8	Nguyễn Phúc Khang	85.000	13	0,75	63.750	19	1,00	85.000	17	1,00	85.000	233.750		233.750
9	Nguyễn minh Khôi	85.000	14	0,75	63.750	20	1,00	85.000	17	1,00	85.000	233.750		233.750
10	Phạm khánh Linh	85.000	12	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750		233.750
11	Lê Phạm Ngọc Minh	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750		233.750
12	Lưu Hà Như	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750		233.750
13	Lê Đức Phúc	85.000	14	0,75	63.750	21	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750		233.750
14	Nguyễn minh Quân	85.000	14	0,75	63.750	20	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750		233.750
15	Lê Anh Tú	85.000	9	0,50	42.500	21	1,00	85.000	19	1,00	85.000	212.500		212.500
16	Phạm Anh Tú	85.000	14	0,75	63.750	22	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750		233.750
17	Vũ Thạch Thịnh	85.000	13	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750		233.750
18	Bùi Thảo Thu	85.000	14	0,75	63.750	21	1,00	85.000	18	1,00	85.000	233.750		233.750
19	Nguyễn Thị như Ý	85.000	14	0,75	63.750	22	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750		233.750
20	Vũ Đình Bình	85.000	10	0,50	42.500	20	1,00	85.000	15	0,75	63.750	191.250		191.250
21	Bùi Thanh Nhân	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750		233.750
22	Lê Tuấn Minh	85.000	11	0,75	63.750	13	0,75	63.750		-	-	127.500		127.500
23	Hoàng Bảo Lâm	85.000	12	0,75	63.750	20	1,00	85.000	14	0,75	63.750	212.500		212.500
24	Đỗ Diệu Anh	85.000	12	0,75	63.750	20	1,00	85.000	16	1,00	85.000	233.750		233.750
25	Lê Tú Anh	85.000	14	0,75	63.750	17	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750		233.750
26	Vũ Khánh Linh	85.000	10	0,50	42.500	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	212.500		212.500
27	Lưu Minh Sơn	85.000	13	0,75	63.750	23	1,00	85.000	18	1,00	85.000	233.750		233.750
28	Nguyễn Kim Ngân	85.000	11	0,75	63.750	23	1,00	85.000	16	1,00	85.000	233.750		233.750
29	Nguyễn Đức An	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	17	1,00	85.000	233.750		233.750
30	Hoàng Anh Khoa	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750		233.750
31	Uông Nguyễn Đan Tâm	85.000		-	-	4	0,25	21.250	20	1,00	85.000	106.250		106.250

9	Lớp 4 tuổi C				2.148.250			2.868.750			2.656.250	7.671.250			7.671.250
1	Nguyễn Mạnh Tâm An	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
2	Hoàng Mai Anh	85.000	11	0,75	63.750	22	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750			233.750
3	Nguyễn Tuệ Anh	85.000	13	0,75	63.750	22	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750			233.750
4	Vũ Đức Việt Bách	85.000	14	0,75	63.750	22	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
5	Đinh Gia Bảo	85.000	14	0,75	63.750	21	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750			233.750
6	Nguyễn Quốc Bảo	85.000	14	0,75	63.750	18	1,00	85.000	4	0,25	21.250	170.000			170.000
7	Lê Đức Thái Dương	85.000	14	0,75	63.750	21	1,00	85.000	18	1,00	85.000	233.750			233.750
8	Nguyễn Hải Đăng	85.000	12	0,75	63.750	21	1,00	85.000	18	1,00	85.000	233.750			233.750
9	Phạm Hải Đăng	85.000	14	0,75	63.750	22	1,00	85.000	18	1,00	85.000	233.750			233.750
10	Vũ Phạm Minh Đức	85.000	14	0,75	63.750	21	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750			233.750
11	Nguyễn Quang Hải	85.000	14	0,75	63.750	18	1,00	85.000	17	1,00	85.000	233.750			233.750
12	Hoàng Minh Hằng	85.000	14	0,75	63.750	19	1,00	85.000	14	0,75	63.750	212.500			212.500
13	Nguyễn Gia Hưng	85.000	14	0,75	63.750	19	1,00	85.000	16	1,00	85.000	233.750			233.750
14	Lương Hoàng Khải	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
15	Bùi Minh Khang	85.000	14	0,75	63.750	17	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750			233.750
16	Hoàng Tuấn Khang	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
17	Nguyễn Minh Khang	85.000	14	0,75	63.750	19	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750			233.750
18	Ngô Minh Khôi	85.000	11	0,75	63.750	11	0,75	63.750	7	0,50	42.500	170.000			170.000
19	Trần Đăng Khôi	85.000	14	0,75	63.750	22	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
20	Lê Phương Linh	85.000	13	0,75	63.750	22	1,00	85.000	15	0,75	63.750	212.500			212.500
21	Nguyễn Hải Long	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	14	0,75	63.750	212.500			212.500
22	Lưu Tuệ Nhi	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
23	Ngô Thanh Thảo Nhi	85.000	13	0,75	63.750	19	1,00	85.000	16	1,00	85.000	233.750			233.750
24	Nguyễn Ngọc Nhi	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750
25	Lê Hoàng Tiến Phát	85.000	14	0,75	63.750	21	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750			233.750
26	Nguyễn Duy Thái	85.000	13	0,75	63.750	23	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750			233.750
27	Đồng Thị Khánh Vân	85.000	9	0,50	42.500	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	212.500			212.500
28	Bùi Hoàng Việt	85.000	14	0,75	63.750	17	1,00	85.000	8	0,50	42.500	191.250			191.250
29	Đặng Thu Cúc	85.000	14	0,75	63.750	21	1,00	85.000	18	1,00	85.000	233.750			233.750
30	Lưu Phương Thảo	85.000	14	0,75	63.750	20	1,00	85.000	16	1,00	85.000	233.750			233.750
31	Nguyễn Ánh Dương	85.000	13	0,75	63.750	22	1,00	85.000	17	1,00	85.000	233.750			233.750
32	Nguyễn Minh Khôi	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750			233.750

33	Nguyễn Bảo Trâm	85.000	14	0,75	63.750	22	1,00	85.000	14	0,75	63.750	212.500			212.500
34	Hoàng Bảo An	85.000	14	0,75	63.750	20	1,00	85.000	18	1,00	85.000	233.750			233.750
10	Lớp 5 tuổi A				2.082.500			2.911.250			2.762.500	7.756.250	7.756.250		
1	Nguyễn Ngọc Phương Anh	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	18	1,00	85.000	233.750	233.750		-
2	Bùi Xuân Bách	85.000	14	0,75	63.750	21	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		-
3	Phạm Thùy Dương	85.000	14	0,75	63.750	20	1,00	85.000	15	0,75	63.750	212.500	212.500		-
4	Lưu Gia Hân	85.000	12	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		-
5	Tăng Bá Gia Huy	85.000	12	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		-
6	Mạc Thanh Huyền	85.000	13	0,75	63.750	22	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750	233.750		-
7	Nguyễn Bảo Khang	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		-
8	Lê Đăng Khôi	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		-
9	Nguyễn Tùng Lâm	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750	233.750		-
10	Trần An Bảo Minh	85.000	14	0,75	63.750	20	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		-
11	Lương vũ Hà My	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	18	1,00	85.000	233.750	233.750		-
12	Đỗ Duy Nam	85.000	13	0,75	63.750	20	1,00	85.000	15	0,75	63.750	212.500	212.500		-
13	Lưu Phạm Bảo Ngọc	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		-
14	Hoàng Yến Nhi	85.000	13	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		-
15	Vũ Dương Triệu	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		-
16	Nguyễn Ngọc Hà Vy	85.000	11	0,75	63.750	19	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		-
17	Đỗ Như Ý	85.000	14	0,75	63.750	22	1,00	85.000	18	1,00	85.000	233.750	233.750		-
18	Nguyễn Hà Chi	85.000	13	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		-
19	Lê Quốc Trường	85.000	12	0,75	63.750	22	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750	233.750		-
20	Lê Tiến Đạt	85.000	12	0,75	63.750	20	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750	233.750		-
21	Nguyễn Minh Hiếu	85.000	11	0,75	63.750	21	1,00	85.000	16	1,00	85.000	233.750	233.750		-
22	Đặng Gia Phú	85.000	10	0,50	42.500	22	1,00	85.000	12	0,75	63.750	191.250	191.250		-
23	Đặng Tâm Phúc	85.000	10	0,50	42.500	13	0,75	63.750	11	0,75	63.750	170.000	170.000		-
24	Lương Bảo Quân	85.000	11	0,75	63.750	18	1,00	85.000	15	0,75	63.750	212.500	212.500		-
25	Nguyễn Lục Trường Tiến	85.000	12	0,75	63.750	22	1,00	85.000	18	1,00	85.000	233.750	233.750		-
26	Lưu Quốc Thịnh Vỹ	85.000	13	0,75	63.750	23	1,00	85.000	14	0,75	63.750	212.500	212.500		-
27	Lê Thị Kim Anh	85.000	12	0,75	63.750	23	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750	233.750		-
28	Trần Ngọc Minh Anh	85.000	12	0,75	63.750	22	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750	233.750		-
29	Phạm Thiên Phú	85.000	9	0,50	42.500	22	1,00	85.000	19	1,00	85.000	212.500	212.500		-
30	Nguyễn Đoàn Hải Yến	85.000	10	0,50	42.500	7	0,50	42.500		-	-	85.000	85.000		-

31	Đỗ Hoàng Minh Khôi	85.000	13	0,75	63.750	20	1,00	85.000	17	1,00	85.000	233.750	233.750		
32	Mai Vy	85.000		-	-	20	1,00	85.000	19	1,00	85.000	170.000	170.000		
33	Nguyễn Lương Mai	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		
34	Mai Ngọc Gia Phúc	85.000	13	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		
35	Lê Đức Phú	85.000	13	0,75	63.750	23	1,00	85.000	17	1,00	85.000	233.750	233.750		
11	Lớp 5 tuổi B				2.188.750			2.975.000			2.868.750	8.032.500	8.032.500		
1	Đặng Bình An	85.000	11	0,75	63.750	22	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		
2	Nguyễn Thùy Anh	85.000	12	0,75	63.750	22	1,00	85.000	17	1,00	85.000	233.750	233.750		
3	Phùng Gia Hưng	85.000	13	0,75	63.750	22	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		
4	Lưu Trung Kiên	85.000	14	0,75	63.750	22	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		
5	Lê Minh Khang	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		
6	Nguyễn Tuấn Khôi	85.000	13	0,75	63.750	21	1,00	85.000	18	1,00	85.000	233.750	233.750		
7	Phạm Thùy Linh	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750	233.750		
8	Đỗ Đặng Minh	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	16	1,00	85.000	233.750	233.750		
9	Phạm Hoàng Nam	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		
10	Vũ Khánh Ngân	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	17	1,00	85.000	233.750	233.750		
11	Uông Đại Gia Phú	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750	233.750		
12	Bùi Hà Phương	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		
13	Nguyễn Phú Thịnh	85.000	13	0,75	63.750	22	1,00	85.000	18	1,00	85.000	233.750	233.750		
14	Uông Bảo Trâm	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		
15	Nguyễn Tiến Trung	85.000	13	0,75	63.750	18	1,00	85.000	15	0,75	63.750	212.500	212.500		
16	Ngô Bảo Khang	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		
17	Nguyễn Thanh Tâm	85.000	14	0,75	63.750	21	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750	233.750		
18	Nguyễn Thị Quỳnh	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750	233.750		
19	Ngô Hoàng Yến	85.000	12	0,75	63.750	21	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		
20	Nguyễn trường An	85.000	10	0,50	42.500	19	1,00	85.000	15	0,75	63.750	191.250	191.250		
21	Nguyễn Trang Anh	85.000	10	0,50	42.500	18	1,00	85.000	15	0,75	63.750	191.250	191.250		
22	Ngô Gia Huy	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	17	1,00	85.000	233.750	233.750		
23	Vũ Bùi Bảo Lâm	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750	233.750		
24	Lương trúc Linh	85.000	13	0,75	63.750	20	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		
25	Nguyễn Thị Tú Quy	85.000	11	0,75	63.750	19	1,00	85.000	13	0,75	63.750	212.500	212.500		
26	Lê Thảo Tiên	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750	233.750		
27	Vũ Đức Toàn	85.000	14	0,75	63.750	22	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		

28	Lê Ngọc Anh	85.000	12	0,75	63.750	19	1,00	85.000	14	0,75	63.750	212.500	212.500		
29	Nguyễn Huy Hùng	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		
30	Nguyễn Gia Hưng	85.000	12	0,75	63.750	23	1,00	85.000	18	1,00	85.000	233.750	233.750		
31	Nguyễn Trần Minh Khang	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750	233.750		
32	Nguyễn Trà My	85.000	11	0,75	63.750	22	1,00	85.000	18	1,00	85.000	233.750	233.750		
33	Đoàn Tuệ Nhi	85.000	13	0,75	63.750	20	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		
34	Bùi Thảo Nguyên	85.000	13	0,75	63.750	23	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750	233.750		
35	Đoàn Diệp Chi	85.000	14	0,75	63.750	22	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		
12	Lớp 5 tuổi C				2.125.000			2.762.500			2.720.000	7.607.500	7.607.500		
1	Nguyễn Lê Tú Anh	85.000	13	0,75	63.750	18	1,00	85.000	16	1,00	85.000	233.750	233.750		
2	Đào Hoàng Bách	85.000	13	0,75	63.750	23	1,00	85.000	17	1,00	85.000	233.750	233.750		
3	Đồng Quốc Bảo	85.000	14	0,75	63.750	22	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		
4	Nguyễn Gia Bảo	85.000	14	0,75	63.750	22	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		
5	Nguyễn Thái Bảo	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		
6	Hoàng Quỳnh Chi	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		
7	Lưu Minh Dương	85.000	14	0,75	63.750	17	1,00	85.000	10	0,50	42.500	191.250	191.250		
8	Mạc Hiền Hòa	85.000	13	0,75	63.750	19	1,00	85.000	17	1,00	85.000	233.750	233.750		
9	Nguyễn Việt Hoàng	85.000	12	0,75	63.750	22	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750	233.750		
10	Nguyễn Gia Huy	85.000	14	0,75	63.750	17	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		
11	Bùi Minh Khôi	85.000	12	0,75	63.750	22	1,00	85.000	18	1,00	85.000	233.750	233.750		
12	Trần Minh Khôi	85.000	14	0,75	63.750	22	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		
13	Đồng Thị Hoài Linh	85.000	13	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		
14	Hoàng Thùy Linh	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		
15	Phạm Minh Lộc	85.000	13	0,75	63.750	21	1,00	85.000	17	1,00	85.000	233.750	233.750		
16	Vũ Phi Long	85.000	10	0,50	42.500	22	1,00	85.000	13	0,75	63.750	191.250	191.250		
17	Đồng Quang Minh	85.000	14	0,75	63.750	22	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		
18	Nguyễn Bảo Minh	85.000	14	0,75	63.750	22	1,00	85.000	18	1,00	85.000	233.750	233.750		
19	Đào Hà My	85.000	12	0,75	63.750	18	1,00	85.000	17	1,00	85.000	233.750	233.750		
20	Nguyễn Khánh Ngân	85.000	12	0,75	63.750	21	1,00	85.000	16	1,00	85.000	233.750	233.750		
21	Vũ Minh Nhật	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		
22	Trần Nguyễn An Nhiên	85.000	11	0,75	63.750	14	0,75	63.750	13	0,75	63.750	191.250	191.250		
23	Nguyễn Tấn Phát	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750		
24	Trần Trường Phúc	85.000	11	0,75	63.750	18	1,00	85.000	17	1,00	85.000	233.750	233.750		



[Handwritten signature]

25	Lê Yến Phương	85.000	12	0,75	63.750	17	1,00	85.000	14	0,75	63.750	212.500	212.500	-	-
26	Phan Anh Thư	85.000	13	0,75	63.750	20	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750	-	-
27	Bùi Minh Trung	85.000	6	0,50	42.500	4	0,25	21.250	7	0,50	42.500	106.250	106.250	-	-
28	Vũ Quốc Việt	85.000	14	0,75	63.750	22	1,00	85.000	17	1,00	85.000	233.750	233.750	-	-
29	Vũ Công Vinh	85.000	11	0,75	63.750	20	1,00	85.000	14	0,75	63.750	212.500	212.500	-	-
30	Hoàng Thị Yến Vy	85.000	13	0,75	63.750	21	1,00	85.000	19	1,00	85.000	233.750	233.750	-	-
31	Lê Thị Hải Yến	85.000	14	0,75	63.750	22	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750	-	-
32	Mai Nguyễn Hà An	85.000	13	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750	-	-
33	Lương Thành Đức	85.000	13	0,75	63.750	9	0,50	42.500	17	1,00	85.000	191.250	191.250	-	-
34	Phạm Minh Ngọc	85.000	14	0,75	63.750	23	1,00	85.000	20	1,00	85.000	233.750	233.750	-	-
TỔNG CỘNG			-	-	20.416.500	-	-	28.169.500	-	-	27.554.750	76.140.750	23.396.250	116.875	52.627.625

Handwritten signature